

Bản án số: 94/2020/HS-ST
Ngày 25-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Văn Tấn
2. Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 94/2020/TLST-HS ngày 14-9-2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2020/QĐXXST-HS ngày 15-9-2020 đối với các bị cáo:

1. Trần Thị S, sinh năm 1978, nơi sinh: xã Th, huyện H; nơi cư trú: Thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Q (là người có công với Cách mạng, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học) và bà Ngô Thị N; có chồng là Nguyễn Hải S (Hiện đang chấp hành án tại trại giam Đ, H, Quảng Ninh) và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. Vũ Văn L, sinh năm 1984, nơi sinh: xã Tr, huyện T, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: xóm 20, xã Tr, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Thành L (là người có công với Cách mạng, được thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba) và bà Trần Thị T; có vợ Đoàn Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo

bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Ngày 12/7/2020, bị bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện H, tỉnh Thái Bình (có mặt).

3. Phạm Văn Tr, sinh năm 1972, nơi sinh: xã Th, huyện H; nơi cư trú: Thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn E (đã chết) và bà Bùi Thị Ch; có vợ Hoàng Thị T sinh năm 1977 (là bị cáo trong vụ án) và 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 3/1991 đến tháng 4/1994 xuất ngũ trở về địa phương. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976, nơi sinh: xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: thôn Tr, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Th và bà Phan Thị H; có vợ Vũ Thị H, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. Phạm Văn L, sinh năm 1981, nơi sinh: xã Th, huyện H; nơi cư trú: Thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Ch (đã chết) (là người có công với Cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì) và bà Phạm Thị V; có vợ Lương Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07/01/2005, bị Công an huyện H xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”(có mặt).

6. Vũ Thị H, sinh năm 1977, nơi sinh: xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn Th, xã Ph, huyện M, TP. Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn V (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th; có chồng Đỗ Duy H và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2003 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 40/2016/HSST ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử

phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm kể từ ngày tuyên án. Bị cáo đã chấp hành xong phần thi hành án dân sự tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung, chưa chấp hành xong thời gian thử thách. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Ngày 12/7/2020, bị bắt tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt).

7. Hoàng Thị T, sinh năm 1977, nơi sinh: xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Tuấn Y (đã chết), (là thương binh loại A, thương tật hạng một được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba) và bà Hoàng Thị Ch (đã chết); có chồng Phạm Văn Tr, sinh năm 1972 (là bị cáo trong vụ án) và 03 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giữ” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

Người làm chứng: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 19 tháng 4 năm 2020, Vũ Văn L, Vũ Thị H, Phạm Văn Tr, Hoàng Thị T, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ, đến nhà của Trần Thị S chơi và cùng nhau ăn cơm tối. Sau khi ăn cơm xong, S, T và H dọn dẹp và rửa bát; Tr, L, Đ và anh T ngồi uống nước, khoảng 21 giờ cùng ngày thì Phạm Văn L đến chơi. Tại bàn uống nước ngoài sân, Tr, L, Đ, L, S rủ nhau lên gác xếp trong gian buồng nhà S chơi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Ba cây” bằng bộ quân bài tứ lơ khơ 36 quân; T đi cùng lên gác xếp không có tiền nên nằm ngủ không tham gia đánh bạc. Các bị cáo sử dụng 36 quân bài tứ lơ khơ từ A đến 9 chia cho mỗi người chơi 3 lá bài, từng người lật bài tính điểm, ai được điểm cao nhất thì thắng, người được 10 điểm thì được cầm chương, chia bài cho những người chơi còn lại. Những người chơi quy định mức đánh thấp nhất là 100.000 đồng/01người/01ván, mức cao hơn tùy người chơi, ai được 10 điểm thì nhân hai lần số tiền đã đặt; Sáp (có 3 quân bài giống nhau) người chơi được ba lần số tiền đã đặt, đồng hoa (có 3 quân bài liên tiếp giống nhau về chất) người chơi được bốn lần số tiền đã đặt. Các bị cáo chơi được khoảng 30 phút thì Vũ Thị H và Phạm Thị T từ dưới

nhà lên, H ngồi phía sau L, T ngồi sau Tr. Trong quá trình chơi, L bảo H đưa cho L vay số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, H mở túi xách màu đen của H lấy 5.000.000 đồng đưa cho L; Tr xuống nhà đi vệ sinh nên nhờ T cầm bài chơi hộ, T đã cầm bài của Tr tham gia chơi đánh bạc 1 ván và đánh thua số tiền 100.000 đồng, sau đó Tr tiếp tục chơi. Đến 23 giờ 50 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc bị Công an huyện H phát hiện và bắt quả tang. Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: Thu trên chiếu bạc 01 bộ bài tứ lơ khơ 36 quân; 01 thảm vải đã qua sử dụng và số tiền 11.800.000 đồng. Thu giữ trên người, trong túi xách các bị cáo tổng số tiền 82.620.000 đồng (trong đó của T 38.500.000 đồng, H là 38.000.000 đồng; Định 120.000 đồng và L 6.000.000 đồng), trong đó số tiền sử dụng đánh bạc là 6.120.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc là 17.920.000 đồng (Mười bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Bản Cáo trạng số 94/CT-VKSHH ngày 10-9-2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Vũ Thị H, Hoàng Thị T về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa: Các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Vũ Thị H, Hoàng Thị T đều khai nhận: Khoảng hơn 18 giờ, các bị cáo đến nhà bị cáo Trần Thị S chơi và ăn cơm tối tại nhà S, Phạm Văn L là người đến sau cùng. Sau đó các bị cáo S, L, Định, Tr và L đã cùng rủ nhau lên gác xép nhà S đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “ba cây” như nội dung bản cáo trạng đã nêu ở trên. Số tiền các bị cáo sử dụng vào đánh bạc cụ thể như sau: Trần Thị S sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, quá trình đánh có thắng, có thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu. Vũ Văn L mang theo 300.000 đồng, vay của H 5.000.000 đồng sử dụng hết số tiền 5.300.000 đồng vào việc đánh bạc, quá trình đánh thắng, khi bị bắt quả tang bị quản L số tiền 6.000.000 đồng. Phạm Văn Tr mang theo 2.000.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh có thắng, có thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu. Nguyễn Văn Đ mang theo 1.320.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh thua 1.200.000 đồng, khi bị bắt bị quản L số tiền 120.000 đồng. Phạm Văn L mang theo 1.300.000 đồng sử dụng vào việc đánh bạc, quá trình đánh có thắng, có thua, khi bị bắt quả tang đã vớt hết tiền xuống chiếu. Hoàng Thị T tham gia chơi 1 ván (cầm bài của Phạm Văn Tr), quá trình đánh bị thua 100.000 đồng, bị quản L 38.500.000 đồng, số tiền này bị cáo T không dùng để đánh bạc mà để trả tiền công thợ may khâu trang. Vũ Thị H mang theo 43.000.000 đồng, cho L vay 5.000.000 đồng để sử dụng đánh bạc, bị quản L 38.000.000 đồng, số tiền này bị cáo không sử dụng vào việc đánh bạc mà để trả tiền công thợ may khâu trang.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như tội danh và điều luật được viện dẫn trong bản Cáo trạng. Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Vũ Thị H và Hoàng Thị T phạm tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L mỗi bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr, Phạm Văn L mỗi bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự, tuyên trả tự do cho bị cáo L ngay tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38; Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Vũ Thị H từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Áp dụng khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 02 năm tù của Bản án số 40/2016/HSST ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với Bản án số 40/2016/HSST, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung từ 02 năm 07 tháng đến 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/7/2020, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 26/5/2016 đến ngày 01/6/2016 tại Bản án số 40/2016/HSST và từ ngày 20/4/2020, đến ngày 27/4/2020).

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Hình sự, tuyên hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Vũ Thị H, mỗi bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 35 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; 01 tấm vải đã qua sử dụng; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 17.920.000 đồng. Trả lại 01 điện thoại Oppo A37 màu vàng đã qua sử dụng cho bị cáo L. Trả lại bị cáo H 38.000.000 đồng; Trả lại bị cáo T số tiền 38.500.000 đồng. Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử tuyên án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Vũ Thị H và Hoàng Thị T không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Vũ Thị H và Hoàng Thị T đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người làm chứng là anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt. Xét thấy tại giai đoạn điều tra anh T đã có lời khai đầy đủ lưu trong hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt của anh T không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 293 của BLTTHS.

[3] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện H, tỉnh Thái Bình lập hồi 23 giờ 50 phút ngày 19/4/2020, tại nhà của Trần Thị S ở Thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình (bút lục từ số 06 đến 09); các biên bản đối chất do Công an huyện H lập ngày 24,26/6/2020 và ngày 12/7/2020 (bút lục từ số 525 đến 530); lời khai của người làm chứng: anh Nguyễn Văn T (bút lục từ số 965 đến số 975).

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Hồi 23 giờ 50 phút ngày 19/4/2020, Tại nhà của Trần Thị S ở Thôn H, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình; Trần Thị S đã có hành

vi dùng nhà ở của mình cho Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Hoàng Thị T đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh “Ba cây” bằng quân bài Tú Lơ Khe 36 quân được thua bằng tiền. Vũ Thị H có hành vi cho Vũ Văn L vay số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền xác định các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 17.920.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố các bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 321: Tội đánh bạc.

“ 1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[4] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì mục đích tư lợi trái pháp luật, các bị cáo đã có hành vi xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trị an tại địa phương. Vụ án có sự đồng phạm giản đơn, bị cáo S dùng nhà ở của mình cho các bị cáo đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất; mức độ tham gia phạm tội tiếp theo là các bị cáo L, Tr, Định, L tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt, nên giữ vai trò ngang nhau thứ hai; bị cáo T tham gia đánh bạc thay bị cáo Tr (là chồng bị cáo) lúc Tr đi vệ sinh và bị cáo H cho bị cáo L vay tiền đánh bạc với vai trò giúp sức nên hai bị cáo giữ vai trò cuối trong vụ án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Hoàng Thị T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Văn Tr có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam; các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn L, Hoàng Thị T có bố đẻ là người có công với Cách mạng, được hưởng chế độ nân nhân chất độc da cam, thương binh nên các bị cáo đều được hưởng thêm 01 tình tiết

giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo S, L, Tr, Định và T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị H khai báo thành khẩn, nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, bị cáo phạm tội trong thời gian thử thách.

[6] Từ những nhận xét trên, xét thấy đối với bị cáo H phạm tội với vai trò giúp sức, cho bị cáo L vay tiền để đánh bạc, H phạm tội trong thời gian thử thách. Do vậy cần phải áp dụng hình phạt tù theo quy định của khung hình phạt của bản án mới, tổng hợp với 02 năm tù của bản án số 40/2016/HSST ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình cách ly bị cáo khỏi cuộc sống ngoài xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo S, L, Tr, Định và L chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục đối với các bị cáo. Đối với bị cáo T chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Cần phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo S, L, Tr, Định, L và H.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; 01 thảm vải đã qua sử dụng, là những công cụ được các đối tượng dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu để tiêu hủy; số tiền 17.920.000 đồng là tiền các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. 01 điện thoại Oppo A37 màu vàng đã qua sử dụng quản L của bị cáo L là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo; Số tiền 38.000.000 đồng quản L của bị cáo H, bị cáo không dùng vào việc đánh bạc mà để trả tiền công thợ may khâu trang, nên cần trả lại cho bị cáo H; số tiền 38.500.000 đồng quản L của bị cáo T, bị cáo không dùng vào việc đánh bạc mà để trả tiền công thợ may khâu trang, nên cần trả lại cho bị cáo T.

[8] Đối với anh Nguyễn Văn T: Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang và quá trình điều tra các bị cáo đều khai Nguyễn Văn T không tham gia đánh bạc, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo S, L, Định, Tr, L, T và H đều trình bày T không tham gia đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H không xử L đối với Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định của pháp luật.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Hoàng Thị T và Vũ Thị H** phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 38; Điều 50, Điều 58, khoản 2 Điều 56 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thị H **07 (bảy) tháng tù**, tổng hợp với 02 năm tù về tội "Đánh bạc" của bản án số 40/2016/HSST ngày 28/10/2016 Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung là **02 (hai) năm 07 (bảy) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 12-7-2020, được trừ đi thời gian bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 26/5/2016 đến ngày 01/6/2016 tại Bản án số 40/2016/HSST và từ ngày 20/4/2020 đến ngày 27/4/2020 của phạm tội lần này). Phạt bị cáo H 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Thị S **01 (một) năm** tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo S 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn L **09 (chín) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước. Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật Hình sự, trả tự do cho bị cáo L ngay tại phiên toà.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Tr **09 (chín) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Tr 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn L **09 (chín) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo L 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

2.3. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ **09 (chín) tháng tù**, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bị cáo Định 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Giao các bị cáo S, Tr và L cho UBND xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp các bị cáo

thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo L cho UBND xã Tr, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo Định cho UBND xã Bát Tràng, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố tình vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 35 của BLHS. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị T 25.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về xử L vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Tịch thu để tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 36 quân; 01 thảm vải đã qua sử dụng;

3.2 Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 17.920.000 đồng (gồm tiền quản L trên chiếu bạc là 11.800.000 đồng; tiền quản L trên người bị cáo L 6.000.000 đồng và tiền quản L trên người bị cáo Định 120.000 đồng).

3.3 Trả lại cho bị cáo L 01 điện thoại Oppo A37 màu vàng đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo H số tiền 38.000.000 đồng; trả lại bị cáo T số tiền 38.500.000 đồng nhưng tiếp tục quản L số tiền trên của bị cáo H và bị cáo T để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ những vật chứng của vụ án hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình quản L).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Hoàng Thị T và Vũ Thị H mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo Trần Thị S, Vũ Văn L, Phạm Văn Tr, Nguyễn Văn Đ, Phạm Văn L, Hoàng Thị T và Vũ Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS Hưng Hà;
- Công an huyện H;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Các bị cáo;
- Nhà tạm giữ CA huyện H;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án

Trần Thị Nhàn